BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 53/2014/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2014*

THÔNG TƯ
Quy định nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản vào Bảo tàng Địa chất

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản vào Bảo tàng Địa chất.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết Điểm e, Khoản 2, Điều 23 Luật Khoáng sản về nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản vào Bảo tàng Địa chất trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; Bảo tàng Địa chất và tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mẫu vật địa chất, khoáng sản (sau đây gọi tắt là mẫu vật) là những mẫu đá, mẫu sinh vật hóa đá, mẫu khoáng sản ở trạng thái tự nhiên hoặc được gia công, chế tác cơ học.

2. Mẫu vật mới phát hiện là mẫu vật chưa từng được tìm thấy trong khu vực thi công đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

Điều 4. Các loại mẫu vật nộp vào Bảo tàng Địa chất

1. Các mẫu đá, bao gồm: đá trầm tích, đá magma, đá biến chất, đá kiến tạo có tính chất đặc trưng, đại diện cho các thành tạo địa chất phân bố trong khu vực, diện tích thi công đề án điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản; mẫu đá mới phát hiện.

2. Các mẫu sinh vật hóa đá mới phát hiện, xác định được giống, loài và có giá trị định tuổi.

3. Các mẫu khoáng sản ở trạng thái tự nhiên bao gồm:

a) Khoáng sản nhiên liệu: than đá, than nâu;

b) Khoáng sản kim loại, gồm các loại quặng: sắt, mangan, cromit, molybden, wonfram, nickel, bismut, liti, antimon, đồng, chì, kẽm, thiếc, bauxit, titan, đất hiếm, vàng, bạc, platin;

c) Khoáng chất công nghiệp: apatit, barit, fluorit, phosphorit, serpentin, talc, asbet, vermiculit, mica, dolomit, felspat, kaolin, quarzit, magnesit, sét gốm sứ, sét chịu lửa, bentonit, cát thủy tinh, diatomit, graphit, đá hoa trắng, thạch anh;

d) Đá quý, đá bán quý: corindon, najdac, granat, canxedon, topaz, tectit, huyền, thạch anh tinh thể, beril, rubi, saphir.

đ) Các loại đá ốp lát.

Điều 5. Quy cách và số lượng mẫu vật nộp vào Bảo tàng Địa chất

1. Mẫu vật giao nộp phải là mẫu đại diện và có các đặc điểm đặc trưng quan sát được bằng mắt thường.

2. Mẫu vật ở dạng cục phải rắn chắc. Số lượng cho mỗi loại mẫu vật tối thiểu là một (01) mẫu. Kích thước mẫu cục tối thiểu phải đạt 5 x 10 x 20 cm (trừ các mẫu vật quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều này).

3. Mẫu vật ở dạng bở rời kích thước dưới một (01) cm phải có khối lượng tối thiểu là hai (02) kg, đựng trong túi chất dẻo bền chắc. Các mẫu đơn khoáng, mẫu qua tuyển chọn phải có khối lượng tối thiểu là 0,5 kg.

4. Mẫu sinh vật hóa đá không quy định kích thước tối thiểu nhưng phải nguyên vẹn hoặc còn bảo tồn được các đặc điểm đặc trưng, phân biệt của hóa đá đó. Số lượng không hạn chế.

5. Mẫu đá ở dạng khoáng vật, tinh thể đơn không quy định kích thước tối thiểu nhưng phải đảm bảo tính nguyên vẹn của mẫu vật. Số lượng tối thiểu là năm (05) mẫu đối với các mẫu đơn có kích thước từ một (01) cm đến dưới năm (05) cm; ba (03) mẫu đối với các mẫu đơn có kích thước năm (05) - mười (10) cm; một (01) mẫu đối với các mẫu đơn có kích thước trên mười (10) cm (trừ các mẫu đá nám quý, đá quý quy định tại khoản 6 và 7 Điều này).

6. Mẫu đá bán quý không quy định kích thước tối thiểu nhưng phải đảm bảo tính nguyên vẹn của mẫu vật. Số lượng tối thiểu là ba (03) mẫu đối với các mẫu có kích thước từ một (01) cm đến dưới năm (05) cm; hai (02) mẫu đối với các mẫu có kích thước từ năm (05) cm đến bảy (07) cm; một (01) mẫu đối với các mẫu có kích thước trên bảy (07) cm. Các mẫu có kích thước dưới một (01) cm, khối lượng tối thiểu là năm mươi (50) g.

7. Các mẫu đá quý không quy định kích thước tối thiểu nhưng phải đảm bảo phân biệt được về hình dạng của mẫu vật. Số lượng tối thiểu là ba (03) mẫu đối với các mẫu có kích thước dưới một (01) cm; hai (02) mẫu đối với các mẫu có kích thước trên một (01) cm.

8. Mẫu đá ốp lát phải là các mẫu đã được gia công, kích thước tối thiểu là 02 x 30 x 30 cm. Số lượng mỗi loại tối thiểu là một (01) mẫu.

9. Mẫu lõi khoan, chiều dài mỗi mẫu theo lõi khoan tối thiểu là mười lăm (15) cm.

Điều 6. Thông tin kèm theo mẫu vật nộp vào Bảo tàng Địa chất

1. Thông tin kèm theo mẫu vật bao gồm: số hiệu mẫu, tên mẫu, vị trí lấy mẫu, người lấy mẫu và thời gian lấy mẫu, đặc điểm mẫu:

a) Số hiệu mẫu: phải được ghi rõ ràng, đầy đủ cả phần chữ và số, đúng với số hiệu của điểm khảo sát, công trình khoan, khai đào nơi lấy mẫu;

b) Tên mẫu: ghi ngắn gọn tên gọi (loại đất, đá, quặng, hóa đá) của mẫu vật được xác định cuối cùng;

c) Vị trí lấy mẫu: ghi rõ đặc điểm địa hình, địa vật nơi lấy mẫu, toạ độ địa lý, địa danh nơi lấy mẫu: thôn, xã, huyện, tỉnh (thành phố);

d) Người lấy mẫu: ghi đầy đủ họ tên người lấy mẫu, đơn vị thi công;

đ) Thời gian lấy mẫu: ghi rõ ngày, tháng, năm lấy mẫu;

e) Đặc điểm mẫu: mô tả đặc điểm nhận dạng; các kết quả phân tích tính chất vật lý, khoáng vật, hóa học (nếu có).

2. Trên mẫu vật hoặc trên bao bì đựng mẫu chỉ ghi số hiệu mẫu. Các thông tin kèm theo ghi đầy đủ tại Phiếu ghi mẫu vật địa chất quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư này. Mỗi phiếu chỉ được ghi thông tin của một (01) mẫu vật.

3. Tổ chức, cá nhân giao nộp mẫu vật chịu trách nhiệm về tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin trong phiếu ghi mẫu vật địa chất.

Điều 7. Giao nhận mẫu vật

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện các đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản có trách nhiệm nộp đầy đủ mẫu vật, bảo đảm về số lượng, quy cách, chất lượng mẫu vật kèm theo hai (02) bộ phiếu ghi mẫu vật địa chất.

2. Địa điểm giao nộp mẫu vật là Bảo tàng Địa chất tại thành phố Hà Nội hoặc chi nhánh của Bảo tàng Địa chất tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bảo tàng Địa chất có trách nhiệm kiểm tra, tiếp nhận mẫu vật và cấp giấy xác nhận giao nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản cho tổ chức, cá nhân nộp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư này.

4. Thời gian kiểm tra, tiếp nhận và cấp giấy xác nhận giao nộp mẫu vật không quá ba (03) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ mẫu vật và hồ sơ hợp lệ.

5. Chi phí cho hoạt động thu nhận mẫu vật của Bảo tàng Địa chất được bố trí trong kinh phí hàng năm do ngân sách nhà nước cấp theo quy định pháp luật.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2014.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc giao nộp, thu nhận mẫu vật tại Bảo tàng Địa chất; đôn đốc các tổ chức, cá nhân có liên quan nộp mẫu vật tại Bảo tàng Địa chất theo quy định của Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện các đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản có trách nhiệm nộp mẫu vật theo quy định của Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục 1. Phiếu ghi mẫu vật địa chất

ĐƠN VỊ LẬP PHIẾU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm 20

PHIẾU MẪU VẬT ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN
Số:

1. Thông tin chung về mẫu vật:

1.1. Số hiệu mẫu:

1.2. Tên mẫu:

1.3. Vị trí lấy mẫu:

- Mô tả đặc điểm địa hình, địa vật nơi lấy mẫu;
- Vị trí địa lý, địa danh: thôn, xã, huyện, tỉnh; tọa độ địa lý, danh pháp tờ bản đồ.

1.4. Người lấy mẫu:

1.5. Thời gian lấy mẫu:

2. Đặc điểm mẫu vật:

2.1. Loại mẫu: đá (trầm tích, magma, biến chất, khoáng vật); hóa thạch, khoáng sản.

2.2. Đặc điểm nhận dạng: hình dạng, màu sắc, đặc điểm, tính chất vật lý.

2.3. Kích thước, số lượng, khối lượng: đối với mẫu cục ghi rõ chiều dài, rộng, cao, số lượng mẫu; đối với mẫu bở rời ghi rõ khối lượng.

2.4. Đặc điểm, thành phần (ghi theo kết quả phân tích):

- Khoáng vật:
- Hóa học:
- Cổ sinh:
- Các thành phần, đặc điểm khác:

3. Các tư liệu khác kèm theo: ảnh chụp mẫu, vị trí lấy mẫu; phiếu kết quả phân tích (dạng ảnh),...

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Phụ lục 2. Giấy xác nhận nộp mẫu vật địa chất

TỔNG CỤC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM **BẢO TÀNG ĐỊA CHẤT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BTĐC	*Hà Nội, ngày tháng năm 20*

GIẤY XÁC NHẬN NỘP MẪU VẬT ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

BẢO TÀNG ĐỊA CHẤT XÁC NHẬN:

Báo cáo địa chất: (*ghi đúng tên theo Quyết định phê duyệt đề án*).....

Đơn vị thực hiện: (*ghi tên đơn vị giao nộp*).....
Địa chỉ:.....

Đã hoàn thành nộp mẫu vật vào Bảo tàng Địa chất, gồm:

- Số lượng: *X mẫu*.

- Chủng loại: gồm Y loại mẫu (*theo bảng thống kê dưới đây)*:

TT	Loại mẫu	Số lượng	Ghi chú
1	*Mẫu đá*		
2	*Mẫu hóa đá*		
3	*Mẫu khoáng sản*		
4	.....		
	Tổng cộng		

- Tài liệu kèm theo: + Phiếu mẫu vật địa chất (*ghi rõ số lượng phiếu*).

+ Các tư liệu khác: ảnh chụp mẫu (*số lượng*); phiếu kết quả phân tích (*số lượng*).

+ .....

Người nộp: (*Họ tên, chức vụ, địa chỉ liên lạc*).....

Người nhận mẫu: (*Họ tên, chức vụ*).....

Giấy xác nhận này được lập thành 4 bộ, Bảo tàng Địa chất giữ 01 bộ, đơn vị, cá nhân nộp giữ 03 bộ.

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu)